

GIÁO DỤC THÔNG MINH - TỪ GÓC NHÌN ĐỔI MỚI QUẢN TRỊ ĐẠI HỌC TRONG KỶ NGUYÊN SỐ

*SMART EDUCATION - FROM AN INNOVATION PERSPECTIVE
OF UNIVERSITY ADMINISTRATION IN A DIGITAL AGE*

NGUYỄN XUÂN TẾ(*) và ĐỖ THỊ NGÂN(**)

TÓM TẮT: Vấn đề đổi mới quản trị đại học tăng cường năng lực chuyển đổi số trong các trường đại học trên thế giới nói chung cũng như ở Việt Nam nói riêng là vấn đề mới và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Trong bài viết này, chúng tôi nêu lên những quan điểm lớn về quản trị đại học trong kỷ nguyên số, tăng cường năng lực tự chủ của các trường đại học và đề xuất những khâu đột phá trong quá trình này.

Từ khóa: quản trị đại học; chuyển đổi số; giáo dục thông minh.

ABSTRACT: The issue of university governance innovation to strengthen digital transformation capacity in universities around the world in general as well as in Vietnam in particular is a new issue of particular importance. In this article, we highlight great perspectives on university governance in digital, strengthen universities autonomy and propose breakthroughs in this process.

Key words: college administration; digital transformation; smart education.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt chương trình chuyển đổi số quốc gia trong đó lĩnh vực được ưu tiên đó là chuyển đổi số trong giáo dục. Vấn đề đổi mới quản trị đại học tăng cường năng lực chuyển đổi số trong các trường đại học trên thế giới nói chung cũng như ở Việt Nam nói riêng là vấn đề mới và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Trong bài viết này, chúng tôi nêu lên bức tranh tổng quát giáo dục đại học trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư cùng những quan điểm lớn về quản trị đại học trong kỷ nguyên số, tăng cường năng lực tự chủ của các trường đại học và đề xuất những khâu đột phá trong chuyển đổi số của ngành giáo dục – đào tạo nước ta.

2. NỘI DUNG

2.1. Bức tranh tổng quát giáo dục đại học trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XXI, nhân loại đã trải qua ba cuộc cách mạng công nghiệp và đang bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Sau mỗi cuộc cách mạng, xã hội loài người lại có những bước phát triển mạnh mẽ, tri thức của con người dần trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, thúc đẩy quá trình sản xuất nhanh chóng, tạo ra sản phẩm có hàm lượng trí tuệ cao. Mỗi cuộc cách mạng công nghiệp đều mang lại những thành quả to lớn, tạo cơ sở vững chắc cho những bước phát triển của các cuộc cách mạng công nghiệp sau này. Bước vào thời đại công nghiệp, nước Anh đã trở thành “công xưởng của thế giới”, đi đầu trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất. Tiếp đó, Hoa Kỳ đã vượt lên ngôi đầu trong cuộc cách mạng lần thứ hai. Đến với thế kỷ XX, loài người đã chứng kiến bước nhảy vọt của Nhật Bản do đã tận dụng tốt lợi thế của cuộc cách

(*) PGS.TS.GVCC. Tổng Biên tập Tạp chí Khoa học, nguyensexuante@yahoo.com

(**) CN. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, dongan@hcmussh.edu.vn, Mã số: TCKH27-18-2021

mạng công nghiệp lần thứ ba. Những năm gần đây, thế giới lại bước vào thời đại cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Cũng như tất cả các cuộc cách mạng công nghiệp trước đây, mục đích cuối cùng của cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng nhằm phục vụ con người, vì sự phát triển của con người. Khi cách mạng công nghiệp phát triển mạnh thì phần lớn những công việc đòi hỏi kỹ năng trung bình sẽ dần được thay thế bởi tự động hóa. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang thể hiện một tầm vóc vĩ đại trong việc cải tạo thế giới, bởi nó là cuộc cách mạng được kế thừa và phát triển những thành tựu khoa học công nghệ dựa trên cuộc cách mạng kỹ thuật số và điện tử đã xuất hiện từ giữa thế kỷ XX. Cuộc cách mạng này là sự hợp nhất của các loại công nghệ và làm xóa nhòa ranh giới giữa các lĩnh vực vật lý, kỹ thuật số và sinh học với trung tâm là sự phát triển của trí tuệ nhân tạo, robot, internet kết nối vạn vật (IoT) khoa học vật liệu, sinh học, công nghệ di động không dây mang tính liên ngành sâu rộng.

Trước bối cảnh biến đổi mạnh mẽ của kỹ nguyên công nghệ thông minh và công nghiệp hiện đại, yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo để thích ứng với những đòi hỏi trong thời đại mới càng trở nên cấp thiết. Giáo dục phải đem lại cho người học những kỹ năng và kiến thức cơ bản, nhưng cũng phải phát huy được tư duy sáng tạo, khả năng thích nghi với các thách thức và yêu cầu thay đổi công việc liên tục, giảm thiểu nguy cơ thất nghiệp. Tất cả những thay đổi trong xã hội sẽ tạo ra một bức tranh giáo dục và đào tạo vô cùng sinh động mà các phương pháp giáo dục truyền thống chắc chắn sẽ không thể đáp ứng. Trước tình hình đó, *“đại học phải đóng vai trò đầu tàu trong sự nghiệp đổi mới và cải cách hệ thống giáo dục của một quốc gia. Phải từ bỏ cơ chế kế hoạch hóa tập trung, cơ chế xin – cho, khiến đại học không thoát ra khỏi tình trạng yếu kém và bất cập. Hiện nay, Chính phủ đang quyết*

tâm thực hiện chủ trương tăng cường tính tự chủ, chịu trách nhiệm giải trình trước xã hội của các cơ sở giáo dục” [1, tr.26].

Nhân ái, trung thực, sáng tạo và trách nhiệm là bốn phẩm chất quan trọng nhất của người trí thức, mà nhà trường, gia đình, xã hội, trong đó các trường đại học phải đóng vai trò nòng cốt trong việc bồi dưỡng các thế hệ sinh viên. Trường đại học phải tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên rèn luyện thói quen suy nghĩ độc lập, sáng tạo. Cần chú trọng đào tạo các kỹ năng về nhận thức, tiếp cận thông tin và xử lý thông tin để giải quyết vấn đề, suy luận logic, làm việc theo nhóm, kỹ năng thích nghi nhanh. Phương pháp giáo dục cần thay đổi theo hướng “đọc ít - học nhiều” để tạo ra động lực và khả năng học tập suốt đời và học tập liên tục cho mọi người.

2.2. Đổi mới quản trị đại học trong kỷ nguyên số

Sự phát triển mang tính cách mạng của công nghệ thông tin và truyền thông mới đã làm thay đổi phương thức sản xuất, phương thức phân phối sản phẩm - dịch vụ, xuất hiện nhiều mô hình quản lý và mô hình kinh doanh mới, làm xóa nhòa ranh giới giữa các khu vực và lĩnh vực, làm thay đổi cách sống và làm việc của xã hội. Trong bối cảnh đó, xuất hiện nhiều hình thức mới để công nhận kiến thức với nhiều phương thức thu nhận kiến thức mới đa dạng và thuận tiện hơn. Trong kỷ nguyên số, nhu cầu của người học về kiến thức và kỹ năng cần có ở trường đại học đã thay đổi và phát triển rất nhanh, các công cụ dựa trên nền tảng số đã thúc đẩy việc định hình lại cách người học suy nghĩ, hành động. Thực tế này đòi hỏi phải tái định nghĩa “kiến thức” trong kỷ nguyên số phục vụ cho giáo dục đại học. Công nghệ số sẽ giúp các trường đại học dễ dàng hơn trong việc xác định xu hướng và nhu cầu của người học cũng như sử dụng các công cụ để đánh giá mang tính cá nhân hóa. Nói khác đi, các trường đại học phải thực hiện bước chuyển đổi từ mô

hình đánh giá tiêu chuẩn hóa sang mô hình đánh giá chuyên môn hóa bởi môi trường và nhu cầu học tập đã thay đổi.

Cùng với việc học tập chính thức, học tập phi chính thức ngày càng trở nên quan trọng hơn trong việc định hình hoạt động học tập của cá nhân. Người học không chỉ dừng lại ở nhu cầu thu nhận kiến thức mà còn phải có nhu cầu xây dựng kiến thức. Do đó, hoạt động giảng dạy ở trường đại học cần phải chuyển từ mô hình đảm bảo nội dung tri thức sang mô hình khám phá tri thức, nội dung giảng dạy phải chuyển đổi từ mô hình tri thức trong tâm trí sang mô hình tri thức bên ngoài để phù hợp với sự phát triển và mở rộng rất nhanh của tri thức và bối cảnh xã hội. Giảng viên trong kỷ nguyên số đứng trước áp lực thay đổi vai trò và trách nhiệm khi mà người học có quyền truy cập vào nguồn tài nguyên trực tuyến và các chuyên gia ở các lĩnh vực khác ngay trong quá trình học tập. Thực tế này đòi hỏi giảng viên không chỉ dừng lại là người truyền thụ tri thức mà phải trở thành người “kỹ sư” thiết kế môi trường học tập hiệu quả và là người đồng hành với người học trong quá trình đánh giá, đảm bảo chất lượng học tập mang tính cá nhân hóa cao.

Để làm được điều này, mô hình quản trị của trường đại học phải đảm bảo cho người học và trường đại học đồng kiến tạo chương trình đào tạo, người học và giảng viên đồng kiến tạo nội dung giảng dạy. Trên quan điểm đó, đổi mới trong quản trị đại học và thực hiện chuyển đổi số của trường đại học không chỉ là hành động một lần mà phải là quá trình liên tục để xây dựng mô hình mới trên nền tảng tư duy mới, nhận thức mới. Sự thay đổi mang tính cách mạng này không chỉ dừng lại ở việc đưa công nghệ thông tin vào mô hình tổ chức hiện hữu mà vấn đề cốt lõi là đổi mới mô hình hiện hữu dựa trên tầm nhìn mới, tư duy mới và nhận thức mới có tính chiến lược. Nói khác đi, chiến lược chứ không phải công nghệ mới là yếu tố

đẫn dắt quá trình đổi mới và chuyển đổi số của quản trị đại học.

2.3. Tự chủ và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam

Từ năm 2014, có 23 cơ sở giáo dục đại học Việt Nam bắt đầu thí điểm thực hiện tự chủ tương đối toàn diện theo Nghị quyết số 77 NQ-CP của Chính phủ. Đến nay, hầu hết các trường thí điểm tự chủ đều đã có bứt phá trong đào tạo và nghiên cứu, góp phần tạo diện mạo mới cho hệ thống giáo dục đại học Việt Nam. Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 99/2019/NĐ-CP hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học (Luật số 34).

Luật số 34 có hiệu lực từ tháng 7-2019 và Nghị định số 99 có hiệu lực từ tháng 2-2020, đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng thúc đẩy thực hiện tự chủ đại học, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để nâng cao chất lượng giáo dục đại học và hội nhập quốc tế.

Nguyên Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Trần Hồng Quân, cho rằng khi đại học được tự chủ về tài chính sẽ tạo ra khả năng thu hút các nguồn lực ngoài ngân sách Nhà nước, thu hút nhân lực ngoài biên chế, có thể tạo sự liên kết với các tổ chức kinh tế, khoa học cùng tham gia việc đào tạo và nghiên cứu khoa học: Tự chủ đại học là một chủ trương canh tân lớn về quản lý trên cơ bản là đặt niềm tin và giao trọng trách cho cấp dưới, tháo gỡ nhiều ràng buộc trong quản lý, giao nhiều quyền tự quyết cho các trường tạo một không gian tự do sáng tạo trong hoạt động học thuật và điều hành nhà trường. Đó là một bước dân chủ hóa giáo dục đại học.

Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh Tiến sĩ Phan Hồng Hải, cho rằng: Khi được tự chủ, trường thuận lợi hơn trong việc đưa ra các chính sách khuyến khích đội ngũ làm việc hiệu quả, chủ động cân đối tài chính chi trả trong việc thu hút giảng viên giỏi, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo

cũng như thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của nhà trường.

Từ thực tiễn kết quả của 23 trường trên cả nước được giao tự chủ, có thể tóm tắt các hoạt động tích cực của mô hình tự chủ đại học như sau:

Tăng quyền tự chủ cho các đại học giúp nâng cao hiệu quả hoạt động, khuyến khích các trường làm tốt hơn công tác của mình mà trước hết là giảm được rất nhiều thời gian và những chi phí không hợp lý.

Tự chủ đã giúp các trường đa dạng hóa chương trình, nâng cao chất lượng nghiên cứu và giảng dạy, tăng quyền lợi cho sinh viên. Tự chủ đã giúp cho các trường tăng thêm thu nhập cho cán bộ viên chức, có các chính sách đãi ngộ tốt hơn để tuyển dụng nhân sự chất lượng cao. Việc tự chủ hiện nay của các trường đại học vẫn chưa thật sự suôn sẻ, còn gặp không ít các bất cập và khó khăn, nhất là về cơ chế chính sách và quy định của pháp luật kể cả sau khi ban hành Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP. Cụ thể:

Hoạt động tự chủ của các trường đại học công lập đang chịu ảnh hưởng trực tiếp của Luật Giáo dục; Luật Giáo dục đại học; Luật Khoa học và Công nghệ; Luật Đầu thầu; Luật Đầu tư công; Luật Viên chức,... Có rất nhiều nội dung liên quan đến cơ sở giáo dục đại học của các luật này chưa đảm bảo cho các trường tự chủ hoạt động theo quy định tại Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP.

Khi được giao tự chủ thí điểm tự chủ đại học, các trường không nhận được sự hướng dẫn cụ thể từ phía cơ quan quản lý nhà nước, dẫn đến sự lúng túng của các trường đại học thí điểm tự chủ. Việc giao quyền tự chủ đối với giáo dục đại học chỉ mới thực hiện trong phạm vi thí điểm và chưa ban hành quyết định mới sau khi Nghị định 99/2019/NĐ-CP có hiệu lực.

Tự chủ đại học chưa gắn liền với đổi mới quản trị đại học trong cơ sở giáo dục đại học:

các trường đã thực hiện tự chủ nhưng cơ chế quản trị chưa hoàn thiện. Thực tế này đòi hỏi cần tiếp tục có sự đổi mới toàn diện hơn cả về mặt chủ trương lẫn khung pháp lý, không chỉ dừng lại ở sự đồng bộ giữa các luật mà rất cần thiết sự thống nhất, đồng bộ và cụ thể của các văn bản quy phạm pháp luật.

2.4. Khâu đột phá trong chuyển đổi số của ngành giáo dục - đào tạo hiện nay

Phát biểu tại cuộc Hội thảo về chuyển đổi số trong ngành Giáo dục và Đào tạo được tổ chức đầu tháng 12-2020, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Phùng Xuân Nhạ lúc đó đã khẳng định: *“Chuyển đổi số được ngành xác định là khâu đột phá, nhiệm vụ quan trọng cần chú trọng triển khai thực hiện những năm tới đây của ngành Giáo dục và Đào tạo”* [2, tr.1].

Tuy nhiên, Giáo sư, Tiến sĩ Phùng Xuân Nhạ nhìn nhận Việt Nam vẫn cần tổ chức lại hoạt động chuyển đổi số một cách bài bản hơn để nâng cao hiệu quả. Trước hết, cần có nền tảng công nghệ quốc gia thống nhất để từng tập thể, cá nhân, mỗi giảng viên, sinh viên có thể tham gia và hoạt động hiệu quả. Trên nền tảng đó sẽ tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành, xây dựng kho tài nguyên học tập số, qua đó, công tác quản lý, hoạt động học tập, nghiên cứu, giảng dạy, chia sẻ tri thức trở nên hiệu quả, thiết thực.

Cũng tại hội thảo trên, Bộ trưởng Bộ Thông tin Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng cho rằng chuyển đổi số giáo dục đào tạo là con đường đúng nhất và nhanh nhất để tạo ra sự đột phá trong ngành. Cũng vì lẽ đó, chương trình chuyển đổi số quốc gia mà Thủ tướng ban hành đã đặt chuyển đổi số giáo dục lên vị trí ưu tiên cao nhất. Để thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin Truyền thông cũng đã ký kết Chương trình hợp tác triển khai chương trình chuyển đổi số quốc gia. Chúng ta có cơ sở tin tưởng rằng Chương trình chuyển đổi số của ngành giáo

dục – đào tạo nhất định sẽ được thực hiện một cách đồng bộ, có kết quả khả quan.

3. KẾT LUẬN

Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo là một bước đột phá trong đổi mới quản trị đại học hiện nay. Đây là điều hết sức quan trọng

cần phải được nhận thức sâu sắc và tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả ở các trường đại học nói chung và các trường tự chủ. Và đây cũng là một minh chứng sinh động cho quá trình chuyển đổi giáo dục thông minh trong bối cảnh của thời đại mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Đắc Hưng (2017), *Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và vấn đề đặt ra với giáo dục Việt Nam*, Nxb Quân đội Nhân dân.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Hội thảo “Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo”*, <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-tong-hop.aspx?ItemID=7123>, ngày truy cập: 20-3-2021.

Ngày nhận bài: 04-5-2021. Ngày biên tập xong: 07-5-2021. Duyệt đăng: 20-5-2021